

Số: 138/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

#### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 44 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 88%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Đình Văn Toàn**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT THỰC PHẨM**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 138/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3.67	2	66.67%	<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4.00	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				<b>Tiêu chuẩn 8</b>						
Tiêu chí 2.3	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.00	5	100%		
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.4	4
Tiêu chí 3.3	4				<b>Tiêu chuẩn 4</b>					Tiêu chí 8.5	4
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4.00	3	100%	<b>Tiêu chuẩn 9</b>		3.80	4	80%		
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4					
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3					
Tiêu chí 4.3	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					Tiêu chí 9.4	4					
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4					
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>						
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4					
Tiêu chí 5.4	4	4.14	7	100%	Tiêu chí 10.2	4	4.00	6	100%		
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>					Tiêu chí 10.4	4					
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.3	4	4.14	7	100%	<b>Tiêu chuẩn 11</b>		3.80	4	80%		
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	3					
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4					
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4					
					Tiêu chí 11.5	4					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>					<b>Số tiêu chí đạt</b>		<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b>				
					<b>44</b>		<b>88%</b>				



**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT THỰC PHẨM**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 138/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, cải tiến và được công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được rà soát, cập nhật có đủ thông tin cần thiết về CTĐT và học phần, được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Chương trình dạy học được rà soát, cập nhật tiếp cận theo chuẩn đầu ra của CTĐT; cấu trúc của chương trình dạy học thể hiện tính logic, hợp lý, được rà soát, đánh giá trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan. Phương pháp dạy - học đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra; hoạt động trải nghiệm thực tế doanh nghiệp và thực tập tốt nghiệp được chú trọng, giúp người học tăng cường các năng lực tự học. Phương pháp kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể, được phổ biến đến người học và được triển khai. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được thực hiện; năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập khá đa dạng, hiệu quả. Cơ sở vật chất, thiết bị thực hành chuyên môn đáp ứng được yêu cầu học tập. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm được xác lập, giám sát; tỷ lệ có việc làm cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm. Nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:



1. Rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện rõ yêu cầu chuyên biệt của CTĐT bao gồm các chỉ báo của chuẩn đầu ra đảm bảo phù hợp với nội hàm của chuẩn đầu ra làm cơ sở để thiết kế chương trình dạy học và thiết kế các hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá phù hợp; cải tiến nội dung và hình thức lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và phân tích, khảo sát yêu cầu của thị trường lao động, tham khảo, đối sánh với CTĐT của cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và quốc tế để cải tiến CTĐT.

2. Rà soát đề cương học phần đảm bảo đầy đủ các học phần khối kiến thức đại cương, một số học phần cơ sở ngành, chuyên ngành để đảm bảo tính logic của CTĐT; bổ sung thông tin đầy đủ trong các đề cương học phần về phân bổ đủ số giờ cho tín chỉ theo quy định, bổ sung thông tin giảng viên đảm nhận học phần, bổ sung đa dạng tài liệu tham khảo, đặc biệt các tài liệu tham khảo nước ngoài phù hợp với ngành đào tạo; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đến các bên liên quan.

3. Rà soát đảm bảo các học phần có đóng góp hợp lý vào chuẩn đầu ra của CTĐT; đảm bảo mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với tiến trình thực hiện chương trình dạy học; bổ sung đầy đủ các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo tính logic và gắn kết của chương trình dạy học; nghiên cứu tích hợp một số học phần có khối lượng tín chỉ nhỏ để thuận lợi trong việc tích hợp và liên thông của CTĐT; chú trọng tham khảo, đối sánh CTĐT của các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước để hoàn thiện chương trình dạy học.

4. Có hướng dẫn cụ thể chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT; sớm áp dụng hệ thống quản lý dạy học trực tuyến (LMS) để tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập một cách hiệu quả; quan tâm thiết kế một số phương pháp hướng đến rèn luyện khả năng học tập suốt đời cho người học như phương pháp học, cách học, học cách tư duy, phương pháp tìm kiếm tài liệu; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn năng lực cho giảng viên về đổi mới phương pháp dạy học.

5. Rà soát qui định/hướng dẫn chi tiết về công tác kiểm tra đánh giá, lựa chọn các loại hình kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; rà soát, điều chỉnh rubrics đánh giá quá trình gắn kết với chuẩn đầu ra và đặc thù của học phần; rà soát công tác ra đề thi, đáp án, chấm thi đảm bảo tính thống nhất và công bằng trong kiểm tra đánh giá; tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của kết quả kiểm tra đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm đo lường xác thực hơn mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; quan tâm cải thiện quy trình giải quyết khiếu nại, thắc mắc của sinh viên trong quá trình học tập và trong kiểm tra đánh giá.

6. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong đó thể hiện rõ các chỉ tiêu phát triển cho từng CTĐT; bổ sung các chính sách và cơ chế thu hút, phát triển để tăng số giảng viên đầu ngành có trình độ cao; cụ thể hóa yêu cầu về hoạt động phục vụ cộng đồng và tiếp tục hoàn thiện bộ chỉ số KPIs để đánh giá, ghi nhận gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thực hiện đánh giá giảng viên theo tiếp cận năng lực để đào tạo,



bồi dưỡng; rà soát, đồng bộ các chính sách, tăng cường hợp tác thu hút nguồn lực và có cơ chế hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học, tăng cường chuyển giao kết quả trong thực tiễn.

7. Hoàn thiện khung năng lực và chi tiết hóa yêu cầu để xác định nhu cầu và đào tạo phát triển năng lực theo từng vị trí việc làm; xây dựng bộ chỉ số cốt lõi KPIs để đánh giá mức độ, kết quả thực hiện và đãi ngộ gắn với hiệu quả, công hiến theo công việc; tăng cường kinh phí cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hỗ trợ; khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cơ chế đánh giá, ghi nhận và đãi ngộ để cải tiến.

8. Đa dạng hóa loại hình và tăng số lượng các bên liên quan tham gia góp ý để cải tiến chính sách tuyển sinh; phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và phân tích dữ liệu để điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển sinh; đổi mới công tác truyền thông/hướng nghiệp và tăng cường hiệu quả giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện để cải thiện kết quả học tập của người học; xây dựng hệ sinh thái hợp tác với doanh nghiệp và các bên liên quan tạo môi trường học tập đa dạng và không gian khởi nghiệp cho người học; có bộ phận tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người học; tiếp tục cải tiến chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập, ký túc xá và thư viện.

9. Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất của các giảng đường để kịp thời cải tạo, sửa chữa, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập; bổ sung đa dạng nguồn tài liệu gồm tài liệu học tập, tạp chí online, sách, bài giảng điện tử và cơ sở dữ liệu trực tuyến; tích cực tìm kiếm nguồn tài chính để nâng cấp các thiết bị thực hành thí nghiệm; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số theo tiếp cận mô hình trường đại học thông minh; nâng cấp hoặc mua mới các phần mềm quản lý, phần mềm chuyên môn cho CTĐT; quan tâm nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy và cải tạo ký túc xá; triển khai mô hình 5S để cải thiện môi trường làm việc trong toàn Trường.

10. Rà soát, cải tiến cơ chế phản hồi ý kiến của các bên liên quan phù hợp với đối tượng khảo sát, hình thức khảo sát để đảm bảo độ tin cậy phục vụ cải tiến hiệu quả CTĐT; tham khảo, đối sánh các CTĐT của cơ sở giáo dục có uy tín, các cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng để cải tiến chất lượng CTĐT đáp ứng tầm nhìn và sứ mạng của Trường; rà soát để đảm bảo các học phần có đóng góp hợp lý vào chuẩn đầu ra của CTĐT và phù hợp với tiến trình thực hiện chương trình dạy học; đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp và đo lường chuẩn đầu ra các học phần để cải tiến CTĐT; sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ CTĐT; có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong giảng dạy.

11. Có chiến lược xây dựng thương hiệu dựa trên kết quả đầu ra với các chỉ số cụ thể và có khả năng cạnh tranh cao như: tỉ lệ người học tốt nghiệp trước thời hạn, tỉ lệ người học có việc làm tại các doanh nghiệp có thương hiệu, việc làm tại các vùng kinh tế trọng điểm khác ngoài Đà Nẵng, số lượng người học đạt các giải thưởng khoa học cấp quốc gia và quốc tế, người học khởi nghiệp để đầu tư nâng cao chất lượng; xây dựng

cơ sở dữ liệu trên cơ sở các chỉ số kết quả để quản trị và truyền thông về Trường và CTĐT; tạo cảm hứng, tăng niềm tin cho tập thể sư phạm và người học trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường và CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật thực phẩm gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

-----

HÀ